

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP  
VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 32

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Nông Nghiệp và Thực Phẩm Hà Nội - Kinh Bắc (sau đây gọi tắt là “ Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Hà Nội - Kinh Bắc, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104246382 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/11/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 22/08/2018.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 16 ngày 22/08/2018, vốn điều lệ của Công ty là: 515.999.990.000 đồng (*Năm trăm mười lăm tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Hanoi - Kinhbac Agriculture And Food Joint Stock Company

Tên viết tắt: Hanoi-Kinhbac Agrifood., JSC.

Địa chỉ Trụ sở chính: Số 08 Lô TT03 Khu Đô thị Hải Đăng City, ngõ 2 Phố Hàm Nghi, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 27/03/2015. Mã chứng khoán: HKB. Cổ phiếu của Công ty bị tạm ngừng giao dịch từ ngày 17/11/2020 theo Thông báo số 1210/TB-SGDHN ngày 16/11/2020 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Dương Quang Lư	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28/06/2019, Bổ nhiệm ngày 28/06/2019)
Bùi Thuỳ Anh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/06/2019)
Trương Danh Hùng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/06/2019, Bổ nhiệm ngày 28/06/2019)
Trần Đình Dũng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/06/2019, Bổ nhiệm ngày 28/06/2019)
Đỗ Thái Anh	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 28/06/2019)
Đỗ Dương Thông	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/06/2019)
Uông Huy Đông	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/06/2019)

**Ban Kiểm soát**

Ông Dương Danh Quân	Trưởng ban
Bà Bùi Thuỳ Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Huy Hoàng	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Dương Quang Lư	Tổng Giám đốc
Trương Danh Hùng	Phó Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện nêu tại Mục 6.1 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



**Dương Quang Lư**  
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2021

Số: 164/2021/BCKT-CPA VIETNAM-NVI

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2019 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp  
và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc

Kính gửi: **Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc, được lập ngày 24 tháng 5 năm 2021, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.6 Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, tại ngày 31/12/2019 các khoản đầu tư vào Công ty con của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐQT ngày 05/10/2016 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc thực hiện đầu tư tài chính dài hạn vào hai Công ty con là Công ty Cổ phần Nông nghiệp Lumex Việt Nam và Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai với số tiền đầu tư tương ứng là 354.000.000.000 đồng và 80.000.000.000 đồng. Tổng giá gốc các khoản đầu tư này là 434.000.000.000 đồng, chiếm 73,66% tổng tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2019. Công ty Cổ phần Nông nghiệp Lumex Việt Nam và Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai không phát sinh doanh thu trong năm 2018, 2019; Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán, nhưng vẫn không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng hợp lý về khả năng thu hồi của các khoản đầu tư này tại thời điểm 31/12/2019. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về khả năng thu hồi của các khoản đầu tư này tại thời điểm 31/12/2019 cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.7 Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, Giá trị hàng tồn kho theo kiểm kê thực tế tại ngày 31/12/2019 là 23.000.000 đồng, giá trị hàng tồn kho không có trong kiểm kê tại ngày 31/12/2019 là 1.776.806.381 đồng. Công ty chưa xác định được nguyên nhân thiếu hàng tồn kho. Công ty không có điều chỉnh cần thiết nào về giá trị hàng tồn kho thiếu tại ngày 31/12/2019 trên. Theo đó chúng tôi không có cơ sở để đưa ra ý kiến về giá trị hàng tồn kho thiếu nêu trên, cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.4 Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, khoản tạm ứng của Nguyễn Chí Đăng tại 31/12/2019 là 4.034.549.917 đồng, phát sinh từ năm 2016, chúng tôi chưa thu thập được thư xác nhận tại thời điểm ngày 31/12/2019. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế nhưng vẫn không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng hợp lý về tính hiện hữu, đúng đắn, đầy đủ, cũng như khả năng thu hồi của khoản tạm ứng này tại thời điểm 31/12/2019. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, đầy đủ, đúng đắn và khả năng thu hồi của khoản tạm ứng này tại thời điểm 31/12/2019 cũng như ảnh hưởng của chúng đối với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.

Như đã trình bày tại Mục 4 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, tại ngày 31/12/2019, Công ty đã bị lỗ lũy kế là 70.023.187.739 đồng, các khoản nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn 119.364.526.066 đồng, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2019 giảm 92,03% so với năm 2018. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính tổng hợp vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục nhưng chúng tôi không thu thập được bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính khả thi về kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc nhằm duy trì khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

#### Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

#### Vấn đề khác

Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty kiêm Tổng Giám đốc là chưa phù hợp với quy định về Quản trị công ty đại chúng.



**Vũ Ngọc Ân**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 24 tháng 05 năm 2021

**Nguyễn Khánh Minh**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 4484-2018-137-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**  
 Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>8.160.666.672</b>	<b>8.626.590.362</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>192.220.397</b>	<b>39.180.040</b>
1. Tiền	111		192.220.397	39.180.040
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>6.811.077.353</b>	<b>7.332.809.296</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	77.987.173.114	78.313.671.727
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.950.973.531	2.090.973.531
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	5.096.767.631	5.159.398.761
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(78.223.836.923)	(78.231.234.723)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>23.000.000</b>	<b>23.000.000</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.7	1.799.806.381	1.799.806.381
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	5.7	(1.776.806.381)	(1.776.806.381)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.134.368.922</b>	<b>1.231.601.026</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.134.368.922	1.231.601.026
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>581.049.341.594</b>	<b>583.938.596.913</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>66.519.664.997</b>	<b>70.348.329.726</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	59.371.664.997	63.200.329.726
- Nguyên giá	222		76.425.940.404	76.425.940.404
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.054.275.407)	(13.225.610.678)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	7.148.000.000	7.148.000.000
- Nguyên giá	228		7.148.000.000	7.148.000.000
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.10</b>	<b>40.517.477.163</b>	<b>40.517.477.163</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		40.517.477.163	40.517.477.163
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.6</b>	<b>462.000.000.000</b>	<b>462.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		434.000.000.000	434.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		28.000.000.000	28.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.012.199.434</b>	<b>11.072.790.024</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	12.012.199.434	11.072.790.024
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>589.210.008.266</b>	<b>592.565.187.275</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>C NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>127.716.301.038</b>	<b>178.944.410.704</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>127.525.192.738</b>	<b>178.705.640.704</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	16.434.246.322	13.829.359.325
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	3.641.185.854	3.461.170.295
3. Phải trả người lao động	314		3.107.303.135	2.533.152.948
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	-	11.678.349.563
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	563.342.709	27.190.700.583
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	103.601.909.718	119.835.702.990
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		177.205.000	177.205.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>191.108.300</b>	<b>238.770.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	191.108.300	238.770.000
<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>461.493.707.228</b>	<b>413.620.776.571</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.18</b>	<b>461.493.707.228</b>	<b>413.620.776.571</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		515.999.990.000	515.999.990.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		515.999.990.000	515.999.990.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.516.904.967	15.516.904.967
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(70.023.187.739)	(117.896.118.396)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(117.896.118.396)	(21.599.836.916)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		47.872.930.657	(96.296.281.480)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>589.210.008.266</b>	<b>592.565.187.275</b>

Người lập

*Phan Văn Thuận*

Kế toán trưởng

*Lê Văn Quang*

Lê Văn Quang

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2021

Chủ tịch HĐQT

kiểm Tổng Giám đốc



*Dương Quang Lư*

Dương Quang Lư



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	1.911.469.597	23.997.870.977
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.20	-	6.591.501.000
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)</b>	10		1.911.469.597	17.406.369.977
4. Giá vốn hàng bán	11	5.21	967.303.977	15.271.221.003
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)</b>	20		944.165.620	2.135.148.974
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.22	114.051	88.270.623
7. Chi phí tài chính	22	5.23	12.731.944.100	14.709.286.606
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.731.944.100	14.675.011.321
8. Chi phí bán hàng	25	5.24	-	545.196.368
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.24	7.277.537.910	83.416.943.812
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>(19.065.202.339)</b>	<b>(96.448.007.189)</b>
{30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}				
11. Thu nhập khác	31	5.25	66.939.633.808	740.764.869
12. Chi phí khác	32	5.25	1.500.812	589.039.160
13. <b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	40		<b>66.938.132.996</b>	<b>151.725.709</b>
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	50		<b>47.872.930.657</b>	<b>(96.296.281.480)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)</b>	60		<b>47.872.930.657</b>	<b>(96.296.281.480)</b>

Người lập

*[Signature]*  
*[Signature]*

Kế toán trưởng

*[Signature]*

Lê Văn Quang

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2021

Chủ tịch HĐQT  
 kiêm Tổng Giám đốc



*[Signature]*

Dương Quang Lư

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**  
*(theo phương pháp gián tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		47.872.930.657	(96.296.281.480)
2. Điều chỉnh cho các khoản			16.553.096.978	94.035.645.271
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.828.664.729	3.839.097.711
Các khoản dự phòng	03		(7.397.800)	75.474.018.778
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	50.780.991
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(114.051)	(3.263.530)
Chi phí lãi vay	06		12.731.944.100	14.675.011.321
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		64.426.027.635	(2.260.636.209)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		626.361.847	362.660.098
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(63.657.427.854)	1.661.238.597
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(939.409.410)	(800.967.472)
Tiền lãi vay đã trả	14		(21.170.940)	(3.236.376.590)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		434.381.278	(4.274.081.576)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(157.894.424)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		114.051	3.263.530
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		114.051	(154.630.894)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		345.000.000	85.339.772.558
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(626.454.972)	(81.084.506.020)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(281.454.972)	4.255.266.538
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		153.040.357	(173.445.932)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		39.180.040	212.625.972
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	192.220.397	39.180.040

Người lập

*Phạm Thị Việt Thuộc*

Kế toán trưởng

*Lê Văn Quang*

Lê Văn Quang

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2021

Chủ tịch HĐQT  
 kiêm Tổng Giám đốc



*Dương Quang Lưu*

Dương Quang Lưu

## **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nông Nghiệp và Thực Phẩm Hà Nội - Kinh Bắc tiền thân là Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Hà Nội - Kinh Bắc, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104246382 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/11/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 21/07/2016.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 16 ngày 22/08/2018, vốn điều lệ của Công ty là: 515.999.990.000 đồng (*Năm trăm mười lăm tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Hanoi - Kinhbac Agriculture And Food Joint Stock Company.

Tên viết tắt: Hanoi-Kinhbac Agrifood., JSC.

Địa chỉ Trụ sở chính: Số 08 Lô TT03 Khu Đô thị Hải Đăng City, ngõ 2 Phố Hàm Nghi, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 27/03/2015. Mã chứng khoán: HKB. Cổ phiếu của Công ty bị tạm ngừng giao dịch từ ngày 17/11/2020 theo Thông báo số 1210/TB-SGDHN ngày 16/11/2020 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Số lao động bình quân năm 2019 là 08 người (năm 2018 là 13 người).

### **1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Bán buôn gạo;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt, thủy sản, rau, quả, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh: cà phê bột, cà phê hoà tan, chè, hạt đậu đen, hạt đậu xanh, hạt đậu tương;
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật;
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau, quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, thực phẩm khác, trứng và sản phẩm từ trứng, dầu, mỡ động thực vật, hạt tiêu, gia vị khác, thức ăn cho động vật cảnh;
- Xay xát và sản xuất bột thô; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Chế biến và bảo quản rau quả; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Đúc sắt, thép; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản); Khai thác muối;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Dịch vụ khách sạn; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa; Sản xuất sản phẩm từ plastic, chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic;

**1.3 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn tổng hợp; Bán buôn đồ uống; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim, vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: - Bán buôn keo hóa học; - Bán buôn nhang, hương và các chế phẩm có mùi thơm khi đốt cháy; - Bán buôn phân bón; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón
- Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ (Trừ loại Nhà nước cấm)
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất hoá chất cơ bản
- Đại lý, môi giới, đấu giá, chi tiết: - Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá; - Môi giới thương mại;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: - Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: - Sản xuất keo hồ và các chất đã được pha chế; - Sản xuất hương các loại;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác: hạt đậu đen, hạt đậu xanh, hạt đậu tương, thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản, nông, lâm sản nguyên liệu khác: bán buôn hạt, quả có dầu, sắn lát;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Rang và lọc cà phê; Sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hoà tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc; Sản xuất các chất thay thế cà phê; Trộn chè và chất phụ gia; Sản xuất chiết suất và chế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm; Các chế phẩm khác từ thóc;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như: Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, grafit tự nhiên, và các chất phụ gia khác, Đá quý, bột thạch anh, mica;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (Trừ loại Nhà nước cấm)
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- Đúc kim loại màu;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao./.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Kinh doanh nông sản và cho thuê kho.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường: Chu kỳ hoạt động kinh doanh là 12 tháng.

**1.5 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có các Công ty con và đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên đơn vị	Trụ sở	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu vốn
<b>Công ty con sở hữu trực tiếp</b>				
1	Công ty CP Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Sản xuất, trồng trọt, bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa); và động vật sống	88,89 %
2	Công ty CP Nông nghiệp Lumex Việt Nam	Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất phân bón và hợp chất Ni-tơ	83,42 %
<b>Công ty con sở hữu gián tiếp</b>				
1	Công ty CP Thương Mại - Xuất nhập khẩu Tấn Hưng	Hà Nội, Việt Nam	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa); và động vật sống	70,33 %
<b>Đơn vị trực thuộc</b>				
1	Chi nhánh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam		

**1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ và ghi sổ bằng máy vi tính.

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở tổng hợp số liệu của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, các giao dịch và số dư chủ yếu giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Đây là Báo cáo tổng hợp của công ty, không bao gồm Báo cáo tài chính của các Công ty con, người sử dụng nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

##### **Giả định về hoạt động liên tục**

Tại ngày 31/12/2019, Công ty đã bị lỗ lũy kế là 70.023.187.739 đồng, các khoản nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn 119.364.526.066 đồng, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2019 giảm 92,03% so với năm 2018. Thực tế này cho thấy tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty cho các năm tài chính tiếp theo. Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá vấn đề này và xây dựng Phương án khắc phục, bao gồm:

- Hợp tác đầu tư khai thác rừng trồng tại Tiểu khu 228, xã Ea Bung, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk;
- Đàm phán gia hạn thanh toán các khoản công nợ vay cá nhân đến hạn;

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động tối thiểu trong 12 tháng tới. Theo đó, Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên giả định hoạt động liên tục.

##### **Nguyên tắc ghi nhận tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

##### **Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

- Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) tại ngày 31/12/2019.
- Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của các ngân hàng mà Công ty đang giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào Tài khoản số 413 - Chênh lệch tỷ giá, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc Chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư vào Công ty con và đầu tư khác***

Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư***

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (Công ty con) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: Việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với công ty, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và Công ty con). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 10/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

**a. Nguyên tắc kế toán**

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, khoản lãi, lỗ phát sinh do việc thanh lý được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất vô thời hạn nên Công ty không thực hiện trích khấu hao theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

**Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Thời gian khấu hao (Số năm)</b>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	15 - 50
Máy móc và thiết bị	06 - 20
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 15

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Trong đó, chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

##### **Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Các loại chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn bao gồm:

- Chi phí thuê trả trước được phân bổ cho thời hạn thuê trả trước; và
- Các chi phí trả trước khác được phân bổ trong thời gian không quá 3 năm.

Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí sản xuất kinh doanh.

##### **Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và Công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

##### **Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

##### **Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

##### **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Chi phí phải trả của Công ty trong năm là trích trước chi phí lãi vay.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền
- (c) kiểm soát hàng hóa;
- (d) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (e) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (f) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.

Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu tiêu thụ trong năm.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính: Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.

Chi phí đi vay: Ghi nhận căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế khác**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh nông sản, cho thuê kho và trong lãnh thổ Việt Nam, do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**  
 Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	84.937.532	2.372.926
Tiền gửi ngân hàng	107.282.865	36.807.114
<b>Tổng</b>	<b>192.220.397</b>	<b>39.180.040</b>

**5.2 Phải thu của khách hàng**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Công ty TNHH MTV Thuận Thành Công Gia Lai	54.001.229.781	54.008.627.581
Công ty TNHH Đầu tư và thương mại Hưng Thịnh An	20.079.000.000	20.079.000.000
Công ty TNHH Bích Hồng	3.090.492.400	3.090.492.400
Công ty TNHH Lê Hoàng Minh	281.115.646	281.115.646
Hộ kinh doanh Ngọc Phương Nam	63.000.000	63.000.000
Đối tượng khác	472.335.287	791.436.100
<b>Tổng</b>	<b>77.987.173.114</b>	<b>78.313.671.727</b>
<i>Trong đó phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>470.016.100</i>	<i>470.016.100</i>

(Chi tiết tại thuyết minh 6.2)

**5.3 Trả trước cho người bán**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Công ty cp Sapa Thale Holding	900.000.000	900.000.000
Công ty CP ĐTSX và KDTM Hoàng Dũng	599.400.000	599.400.000
Công ty CP Xây dựng số 9	122.930.435	122.930.435
Doan nghiệp tư nhân Phước Toàn	109.599.096	109.599.096
Đối tượng khác	219.044.000	359.044.000
<b>Tổng</b>	<b>1.950.973.531</b>	<b>2.090.973.531</b>

**5.4 Phải thu khác**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>				
Tạm ứng (*)	5.023.394.705	-	5.106.898.761	-
Phải thu khác	73.372.926	-	52.500.000	-
<b>Tổng</b>	<b>5.096.767.631</b>	<b>-</b>	<b>5.159.398.761</b>	<b>-</b>

(\*) Trong đó có Số dư khoản tạm ứng của Nguyễn Chí Đặng trên Báo cáo tài chính tổng hợp là 4.034.549.917 đồng phát sinh từ ngày 31/12/2016 chưa được hoàn ứng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.5 Nợ xấu**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</i>	78.223.836.923	-	78.231.234.723	-
Công ty TNHH MTV Thuận Thành Công Gia Lai	54.001.229.781	-	54.008.627.581	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương Mại Hưng Thịnh An	20.079.000.000	-	20.079.000.000	-
Công ty TNHH Bích Hồng	3.090.492.400	-	3.090.492.400	-
Công ty CP ĐTSX và KDTM Hoàng Dũng	599.400.000	-	599.400.000	-
Công ty TNHH Lê Hoàng Minh	281.115.646	-	281.115.646	-
DNTN Phước Toàn	109.599.096	-	109.599.096	-
Hộ kinh doanh Ngọc Phương Nam	63.000.000	-	63.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>78.223.836.923</b>	<b>-</b>	<b>78.231.234.723</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**  
 Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.6 Các khoản đầu tư tài chính**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>434.000.000.000</b>	<b>(*)</b>	<b>-</b>	<b>434.000.000.000</b>	<b>(*)</b>	<b>-</b>
Công ty CP Nông nghiệp Lumex Việt Nam	354.000.000.000		-	354.000.000.000		-
Công ty CP Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai	80.000.000.000		-	80.000.000.000		-
<b>Tên Công ty con</b>	<b>Nơi đăng ký hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ vốn nắm giữ</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>	<b>Hoạt động chính</b>		
Công ty CP Nông nghiệp Lumex Việt Nam	Ha Nội, Việt Nam	83,41%	83,41%	Sản xuất phân bón và hợp chất Ni-tơ		
Công ty CP Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	88,89%	88,89%	Sản xuất, trồng trọt, bán buôn nông lâm sản nguyên liệu và động vật sống		
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>28.000.000.000</b>	<b>(*)</b>	<b>-</b>	<b>28.000.000.000</b>	<b>(*)</b>	<b>-</b>
Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Tân Cường	28.000.000.000		-	28.000.000.000		-

*Đơn vị tính: VND*

## CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

#### 5.6 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐQT ngày 05/10/2016 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc thực hiện đầu tư tài chính dài hạn vào hai Công ty con gồm:

- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nông nghiệp Lumex Việt Nam với số tiền 354.000.000.000 đồng (Chiếm tỷ lệ 83,42% Vốn Điều lệ Công ty con);
- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai với số tiền 80.000.000.000 đồng (Chiếm tỷ lệ 88,89% Vốn Điều lệ Công ty con);

Cụ thể:

- Năm 2016, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Lumex Việt Nam dùng toàn bộ số vốn điều lệ 410 tỷ đồng để mua 3.416.666 cổ phần của các cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Thương mại - Xuất nhập khẩu Tấn Hưng với giá mua 120.000 đồng/Cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần và chiếm 68,33% vốn điều lệ.
- Năm 2016 Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai dùng toàn bộ số vốn điều lệ 90 tỷ đồng để mua 750.000 cổ phần của các cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Thương mại - Xuất nhập khẩu Tấn Hưng với giá mua 120.000 đồng/Cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần và chiếm 15,00% vốn điều lệ.
- Công ty Cổ phần Thương mại - Xuất nhập khẩu Tấn Hưng có vốn điều lệ là 50 tỷ, vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2019 là 47.722.263.960 đồng. Công ty thực hiện tạm ứng bằng tiền mặt cho Ông Phạm Thanh Bình - Nguyên Giám đốc Công ty theo Phiếu chi số PC00011 ngày 01/12/2016 số tiền 47.634.000.000 đồng. Tại thời điểm 31/12/2019, khoản mục tạm ứng trên chưa được hoàn nhập với giá trị 47.584.000.000 đồng.

(\*) Công ty CP Nông nghiệp Lumex Việt Nam, Công ty CP Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai và Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Tân Cường là các công ty chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Chế độ kế toán, Chuẩn mực kế toán hiện tại chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết bằng các Phương pháp định giá. Giá trị hợp lý có thể khác với giá trị ghi sổ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**  
 Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.7 Hàng tồn kho**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	942.091.261	942.091.261	942.091.261	942.091.261
Công cụ, dụng cụ	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000
Thành phẩm	8.565.242	8.565.242	8.565.242	8.565.242
Hàng hóa	826.149.878	803.149.878	826.149.878	803.149.878
<b>Tổng</b>	<b>1.799.806.381</b>	<b>1.776.806.381</b>	<b>1.799.806.381</b>	<b>1.776.806.381</b>

Giá trị hàng tồn kho theo kiểm kê thực tế tại ngày 31/12/2019 là 23.000.000 đồng, giá trị hàng tồn kho không có trong kiểm kê tại ngày 31/12/2019 là 1.776.806.381 đồng. Công ty chưa xác định được nguyên nhân thiếu hàng tồn kho trên.

**5.8 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tổng
	Nguyên giá	
Số dư tại 01/01/2019	7.148.000.000	7.148.000.000
Số dư tại 31/12/2019	7.148.000.000	7.148.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư tại 01/01/2019	-	-
Số dư tại 31/12/2019	-	-
Giá trị còn lại		
Tại 01/01/2019	7.148.000.000	7.148.000.000
Tại 31/12/2019	7.148.000.000	7.148.000.000

Giá trị còn lại của Tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2019: 7.148.000.000 đồng (tại ngày 31/12/2018: 7.148.000.000 đồng).



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<i>Nguyên giá</i>						
Số dư tại 01/01/2019	64.668.786.292	6.116.879.934	2.640.465.132	116.320.000	2.883.489.046	76.425.940.404
Số dư tại 31/12/2019	64.668.786.292	6.116.879.934	2.640.465.132	116.320.000	2.883.489.046	76.425.940.404
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>						
Số dư tại 01/01/2019	9.855.728.532	1.861.183.194	544.738.261	18.817.035	945.143.656	13.225.610.678
<i>Tăng trong năm</i>	2.904.195.553	532.533.144	186.970.092	12.733.332	192.232.608	3.828.664.729
Khấu hao trong năm	2.904.195.553	532.533.144	186.970.092	12.733.332	192.232.608	3.828.664.729
Số dư tại 31/12/2019	12.759.924.085	2.393.716.338	731.708.353	31.550.367	1.137.376.264	17.054.275.407
<i>Giá trị còn lại</i>						
Tại 01/01/2019	54.813.057.760	4.255.696.740	2.095.726.871	97.502.965	1.938.345.390	63.200.329.726
Tại 31/12/2019	51.908.862.207	3.723.163.596	1.908.756.779	84.769.633	1.746.112.782	59.371.664.997

Giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2019: 51.926.539.984 đồng (tại ngày 31/12/2018: 54.825.802.204 đồng).

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019: 140.933.636 đồng (Tại ngày 31/12/2018: 78.120.000 đồng)

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.10 Tài sản dở dang dài hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>		
Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy Chế biến nông sản Hà Nội - Kinh Bắc Quy Nhơn	40.517.477.163	40.517.477.163
<b>Tổng</b>	<b>40.517.477.163</b>	<b>40.517.477.163</b>

**5.11 Chi phí trả trước**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<i>Dài hạn</i>	<i>12.012.199.434</i>	<i>11.072.790.024</i>
Chi phí thuê đất (*)	11.782.848.861	11.072.790.024
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	229.350.573	-
<b>Tổng</b>	<b>12.012.199.434</b>	<b>11.072.790.024</b>

(\*) Gồm 2 thửa đất: Thửa đất Lô 1.5.2 KCN Nhơn Hòa thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, diện tích 19.968m<sup>2</sup>, thời gian sử dụng đến 17/07/2059 và thửa đất Lô 2.5.1 KCN Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, diện tích 15.505,34 m<sup>2</sup>, thời gian sử dụng đến 17/07/2059.

**5.12 Phải trả người bán***Đơn vị tính: VND*

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Ngắn hạn</i>	<i>16.434.246.322</i>	<i>16.434.246.322</i>	<i>13.829.359.325</i>	<i>13.829.359.325</i>
Công ty CP Đầu tư hạ tầng KCN Nhơn Hòa	4.979.114.617	4.979.114.617	2.387.606.073	2.387.606.073
Công ty CP Xây Dựng Thương Mại và XNK Tổng Hợp	2.151.200.000	2.151.200.000	2.151.200.000	2.151.200.000
Công ty TNHH một thành viên Cơ khí xây dựng Minh Thuận	2.118.705.600	2.118.705.600	2.118.705.600	2.118.705.600
Công ty CP Cơ khí và xây dựng Quang Trung	1.823.809.250	1.823.809.250	1.823.809.250	1.823.809.250
Ngô Đăng Tuấn	1.320.000.000	1.320.000.000	1.320.000.000	1.320.000.000
Đối tượng khác	4.041.416.855	4.041.416.855	4.028.038.402	4.028.038.402
<b>Tổng</b>	<b>16.434.246.322</b>	<b>16.434.246.322</b>	<b>13.829.359.325</b>	<b>13.829.359.325</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.13 Vay và nợ thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

	Trong năm				Số có khả năng trả nợ
	31/12/2019	Tăng	Giảm	Giá gốc	
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>103.601.909.718</b>	<b>5.000.000</b>	<b>16.238.793.272</b>	<b>119.835.702.990</b>	<b>119.835.702.990</b>
Vũ Văn Thuận	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Phạm Anh Tuấn (i)	100.568.754.670	-	-	100.568.754.670	100.568.754.670
Nguyễn Thị Huyền	20.000.000	-	-	20.000.000	20.000.000
Dương Quang Lư (ii)	2.813.155.048	-	16.233.793.272	19.046.948.320	19.046.948.320
Tăng Tuấn Cường	200.000.000	-	-	200.000.000	200.000.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>191.108.300</b>	<b>340.000.000</b>	<b>387.661.700</b>	<b>238.770.000</b>	<b>238.770.000</b>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	132.650.000	-	106.120.000	238.770.000	238.770.000
Công ty CP thương mại - XNK Tấn hưng	18.458.300	300.000.000	281.541.700	-	-
Bùi Thùy Anh	40.000.000	40.000.000	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>103.793.018.018</b>	<b>345.000.000</b>	<b>16.626.454.972</b>	<b>120.074.472.990</b>	<b>120.074.472.990</b>
<b>Trong đó vay các bên liên quan</b>	<b>2.831.613.348</b>	<b>300.000.000</b>	<b>16.515.334.972</b>	<b>19.046.948.320</b>	<b>19.046.948.320</b>

(Chi tiết tại thuyết minh 6.2)

**Thông tin về các khoản vay**

Các khoản vay ngắn hạn cá nhân:

- (i) Hợp đồng vay kèm bảo đảm tài sản có lãi suất vay theo từng lần nhận nợ; thời hạn vay đến tháng 04/2018.

- (ii) Vay theo hợp đồng lãi suất 0% nhằm bổ sung vốn kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**  
 Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.14 Người mua trả tiền trước**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.641.185.854</b>	<b>3.461.170.295</b>
Jameel International	1.209.778.431	1.209.778.431
Saud Sroor Jaber Business Eagent Kuwait	511.018.469	511.018.469
M/S, Karm Allouz Trading Est	467.014.395	467.014.395
Maac International	348.516.810	348.516.810
Diamond Food Industry Co	332.777.115	332.777.115
Khaled Houmod Alkreaishan Trading	189.355.425	189.355.425
Aljadida Company For Food Industries	163.590.000	163.590.000
Salina Trading Llc	150.619.650	150.619.650
Công ty TNHH Một thành viên con cò Bình Định	69.300.000	69.300.000
Công ty TNHH MTV Hoàng Thịnh	19.200.000	19.200.000
Đối tượng khác	180.015.559	-
<b>Tổng</b>	<b>3.641.185.854</b>	<b>3.461.170.295</b>

**5.15 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	31/12/2019
<b>Phải nộp</b>	-	<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>	-
Thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-

**5.16 Chi phí phải trả**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>-</b>	<b>11.678.349.563</b>
Chi phí thường xuyên	-	181.818.181
Chi phí lãi vay	-	11.496.531.382
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>11.678.349.563</b>

**5.17 Phải trả khác**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>563.342.709</b>	<b>27.190.700.583</b>
Bảo hiểm xã hội	296.106.602	230.843.702
Bảo hiểm y tế	169.721.483	142.303.631
Bảo hiểm thất nghiệp	92.064.802	79.774.162
Trần Minh Tuấn	-	26.732.329.266
Phải trả khác	5.449.822	5.449.822
<b>Tổng</b>	<b>563.342.709</b>	<b>27.190.700.583</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.18 Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu năm trước	515.999.990.000	15.516.904.967	(21.663.314.072)	509.853.580.895
Tăng khác	-	-	63.477.156	63.477.156
Lỗi trong năm trước	-	-	(96.296.281.480)	(96.296.281.480)
Số dư đầu năm nay	515.999.990.000	15.516.904.967	(117.896.118.396)	413.620.776.571
Lãi trong năm nay	-	-	47.872.930.657	47.872.930.657
Số dư cuối năm	515.999.990.000	15.516.904.967	(70.023.187.739)	461.493.707.228

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Dương Quang Lư	95.460.000.000	95.460.000.000
Các cổ đông khác	420.539.990.000	420.539.990.000
<b>Tổng</b>	<b>515.999.990.000</b>	<b>515.999.990.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

*Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	515.999.990.000	515.999.990.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	515.999.990.000	515.999.990.000

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	51.599.999	51.599.999
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	51.599.999	51.599.999
Cổ phiếu phổ thông	51.599.999	51.599.999
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	51.599.999	51.599.999
Cổ phiếu phổ thông	51.599.999	51.599.999
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành(VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	15.516.904.967	15.516.904.967

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**  
 Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.911.469.597	23.997.870.977
<b>Tổng</b>	<b>1.911.469.597</b>	<b>23.997.870.977</b>

**5.20 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	-	6.591.501.000
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>6.591.501.000</b>

**5.21 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	967.303.977	15.271.221.003
<b>Tổng</b>	<b>967.303.977</b>	<b>15.271.221.003</b>

**5.22 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	114.051	3.263.530
Lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ	-	85.007.093
<b>Tổng</b>	<b>114.051</b>	<b>88.270.623</b>

**5.23 Chi phí tài chính**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	12.731.944.100	14.675.011.321
Chi phí tài chính khác	-	34.275.285
<b>Tổng</b>	<b>12.731.944.100</b>	<b>14.709.286.606</b>

**5.24 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong</i>	<i>7.277.537.910</i>	<i>83.416.943.812</i>
Chi phí nhân viên quản lý	197.100	1.551.688.371
Chi phí vật liệu quản lý	5.475.006.571	6.351.811.075
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.005.852.456	1.007.085.789
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	(7.397.800)	74.490.562.275
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	15.796.302
Chi phí khác bằng tiền	803.879.583	-
<i>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</i>	<i>-</i>	<i>545.196.368</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	545.196.368
<b>Tổng</b>	<b>7.277.537.910</b>	<b>83.962.140.180</b>

**5.25 Thu nhập khác, chi phí khác**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu nhập từ xóa nợ gốc vay và lãi vay (*)	66.939.633.808	-
Các khoản khác	-	740.764.869
<b>Tổng</b>	<b>66.939.633.808</b>	<b>740.764.869</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Các khoản khác	1.500.812	589.039.160
<b>Tổng</b>	<b>1.500.812</b>	<b>589.039.160</b>
<b>Thu nhập khác/Chi phí khác ( thuần)</b>	<b>66.938.132.996</b>	<b>151.725.709</b>

(\*) Thu nhập từ giảm nợ phải trả ông Trần Minh Tuấn theo Biên bản thoả thuận xoá nợ ngày 31/12/2019 với giá trị 26.732.329.266 đồng; giảm nợ tiền vay phải trả Ông Dương Quang Lư theo Biên bản xoá nợ ngày 31/12/2019 với giá trị 16 tỷ đồng và Giảm lãi vay phải trả ông Phạm Anh Tuấn theo Biên bản xoá nợ ngày 31/12/2019 với giá trị 24.207.304.542 đồng.

**5.26 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	-	-
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận/(Lỗ) kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>47.872.930.657</b>	<b>(96.296.281.480)</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>11.980.531.832</b>	<b>-</b>
Phần lãi vay trong doanh nghiệp có lãi vay với bên liên kết vượt quá 30% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ cộng chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) phát sinh trong năm cộng chi phí khấu hao theo Nghị định số 68/2020/NĐ-CP	11.980.531.832	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>59.853.462.489</b>	<b>(96.296.281.480)</b>
<b>Lỗ điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước</b>		
Lỗ ước tính được chuyển năm hiện hành	(59.853.462.489)	-
<b>Thu nhập tính thuế trong năm hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>(96.296.281.480)</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Cổ phiếu của Công ty bị tạm ngừng giao dịch từ ngày 17/11/2020 theo Thông báo số 1210/TB-SGDHN ngày 16/11/2020 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên không còn sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC**

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

*Danh sách các bên liên quan*

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Dương Quang Lư	Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Giám đốc
Trương Danh Hùng	Thành viên Hội đồng Quản trị Phó Tổng Giám đốc
Trần Đình Dũng	Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị
Đỗ Dương Thông	Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị
Uông Huy Đông	Thành viên Hội đồng Quản trị
Đỗ Thái Anh	Thành viên Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 28/06/2019)
Bùi Thuỳ Anh	Thành viên Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 28/06/2019)
Công ty CP Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai	Công ty con
Công ty CP Nông nghiệp Lumex Việt Nam	Công ty con
Công ty CP Thương Mại - Xuất nhập khẩu Tấn Hưng	Công ty con sở hữu gián tiếp

*Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành*

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lương và thù lao	200.345.538	448.422.212
<b>Tổng</b>	<b>200.345.538</b>	<b>448.422.212</b>

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan*

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Cho vay</b>	-	<b>32.500.000</b>
Công ty CP Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai	-	32.500.000
<b>Vay</b>	<b>300.000.000</b>	-
Công ty CP Thương Mại - Xuất nhập khẩu Tấn Hưng	300.000.000	-
<b>Được xóa nợ vay</b>	<b>16.000.000.000</b>	-
Dương Quang Lư	16.000.000.000	-
<b>Trả nợ vay</b>	<b>515.334.972</b>	-
Dương Quang Lư	233.793.272	-

*Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán*

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>470.016.100</b>	<b>470.016.100</b>
Công ty CP Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai	470.016.100	470.016.100
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>	<b>52.500.000</b>	<b>52.500.000</b>
Công ty CP Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai	52.500.000	52.500.000
<b>Vay và nợ</b>	<b>2.831.613.348</b>	<b>19.046.948.320</b>
Dương Quang Lư	2.813.155.048	19.046.948.320
Công ty CP Thương Mại - Xuất nhập khẩu Tấn Hưng	18.458.300	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.3 Giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Xóa nợ vay	16.000.000.000	-

6.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên hãng kiểm toán quốc tế INPACT.

Người lập

*Phạm Văn Thuấn*

Kế toán trưởng

*Lê Văn Quang*

Lê Văn Quang

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2021

Chủ tịch HĐQT  
Kiểm Tổng Giám đốc



*Dương Quang Lưu*

Dương Quang Lưu